

KẾ HOẠCH

Truyền thông chuyển đổi hành vi về dân số và phát triển tỉnh Thanh Hoá giai đoạn 2018-2020

Công tác truyền thông chuyển đổi hành vi là một trong những giải pháp quan trọng thực hiện chiến lược Dân số - SKSS của cả nước nói chung và tỉnh Thanh Hóa nói riêng. Bên cạnh những kết quả đạt được như: duy trì mức sinh thay thế hợp lý và nâng cao chất lượng dân số, tốc độ gia tăng dân số đã được giảm nhiều; tỷ lệ sử dụng các biện pháp tránh thai (BPTT) ngày càng tăng; tỷ lệ người dân được hưởng lợi từ các dịch vụ chăm sóc sức khoẻ sinh sản ngày càng cao, công tác truyền thông vẫn còn những vấn đề cần tiếp tục đổi mới phù hợp với từng nhóm đối tượng, nhằm khắc phục những tập quán lạc hậu, quan niệm trọng nam khinh nữ, những hiểu biết chưa đầy đủ và hành vi chưa đúng về công tác dân số, chăm sóc sức khoẻ sinh sản trong một bộ phận dân cư.

Trong thời gian qua, các cấp uỷ Đảng, chính quyền và sự phối hợp của các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức chính trị xã hội từ tỉnh đến cơ sở đã triển khai có hiệu quả Kết luận số 119-KL/TW ngày 04/01/2016 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 47-NQ/TW của Bộ Chính trị khoá XI về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện chính sách Dân số - Kế hoạch hoá gia đình và công tác truyền thông Dân số, SKSS/KHHGĐ; đã tạo được sự thay đổi mạnh mẽ về nhận thức và hành động của xã hội trên phạm vi toàn tỉnh, trong việc thực hiện chính sách Dân số - Kế hoạch hóa gia đình (DS-KHHGĐ) và SKSS, góp phần quan trọng vào kết quả thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Triển khai Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành TW khoá XII, tại Hội nghị lần thứ 6 về công tác dân số trong tình hình mới, việc tăng cường công tác truyền thông chuyển đổi hành vi về dân số và phát triển tỉnh Thanh Hoá giai đoạn 2018-2020 có vị trí quan trọng, cấp thiết. UBND tỉnh ban hành Kế hoạch hành động truyền thông chuyển đổi hành vi về Dân số và Phát triển tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2018-2020, gồm các nội dung chủ yếu sau:

I. MỤC TIÊU, YÊU CẦU

1. Mục tiêu

Kiểm soát tốc độ gia tăng dân số, duy trì mức sinh thay thế hợp lý, giảm tỷ lệ mất cân bằng giới tính, kéo dài giai đoạn dân số vàng, tăng tuổi thọ trung bình; xây dựng chiến lược thích ứng cho thời kỳ già hoá dân số; nâng cao chất lượng dân số, góp phần hoàn thành các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh giai đoạn 2018-2020.

2. Yêu cầu

Tăng cường sự lãnh đạo chỉ đạo của các cấp uỷ Đảng, chính quyền về công tác truyền thông chuyển đổi hành vi về dân số giai đoạn 2016-2020. Nâng cao nhận thức, thực hành về bình đẳng giới, giáo dục giới tính, giảm tỷ lệ mất cân bằng giới tính.

~~Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác giáo dục, truyền thông chuyển đổi hành vi về dân số và phát triển; tạo sự đồng thuận, ủng hộ của toàn xã hội, góp phần thực hiện các mục tiêu về quy mô, cơ cấu, phân bố, chất lượng dân số và phát huy lợi thế giai đoạn dân số vàng, thích ứng với thời kỳ già hoá dân số để phát triển bền vững về kinh tế - xã hội.~~

3. Các mục tiêu cụ thể

2.1. Mục tiêu 1: Nâng cao kiến thức, kỹ năng thực hành của các nhóm đối tượng về sàng lọc trước sinh và sơ sinh; tư vấn và khám sức khỏe tiền hôn nhân; không kết hôn sớm; không kết hôn cận huyết thống; chăm sóc sức khỏe người cao tuổi nhằm góp phần nâng cao chất lượng dân số. Đến năm 2020 đạt được các chỉ tiêu cơ bản sau:

+ 75% phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ có kiến thức về lợi ích của sàng lọc trước sinh, sơ sinh; 50% phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ đồng ý tham gia sàng lọc trước sinh, 70% số trẻ sơ sinh được sàng lọc bằng kỹ thuật lấy máu gót chân.

+ 70% VTN/TN 15-24 tuổi chưa kết hôn được tư vấn về sức khỏe tiền hôn nhân trước khi đăng ký kết hôn.

+ 70% người cao tuổi có kiến thức về các biện pháp chăm sóc sức khỏe phù hợp và biết cách tự xử lý ban đầu trong một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi.

2.2. Mục tiêu 2: Tăng cường hiểu biết và thay đổi hành vi về kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh, tạo dư luận xã hội ủng hộ những người phát hiện, ngăn chặn các hành vi lựa chọn giới tính thai nhi, góp phần giảm tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh. Đến năm 2020 đạt được các chỉ tiêu cơ bản sau:

+ 90% cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ có kiến thức về các hành vi vi phạm pháp luật về lựa chọn giới tính thai nhi.

+ 90% nam giới, phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ có kiến thức về nguyên nhân, hậu quả của mất cân bằng giới tính khi sinh.

+ 70% VTN/TN 15-24 tuổi có kiến thức về các hành vi vi phạm pháp luật về lựa chọn giới tính thai nhi.

2.3. Mục tiêu 3: Nâng cao kiến thức, kỹ năng thực hành của các nhóm đối tượng về thực hiện kế hoạch hóa gia đình, giảm sự chênh lệch bất lợi về mức sinh giữa các địa phương. Đến năm 2020 đạt được các chỉ tiêu cơ bản sau:

+ 90% cặp vợ chồng, phụ nữ, nam giới có kiến thức nhằm duy trì mức sinh thay thế hợp lý.

+ 85% cặp vợ chồng có kiến thức về thực hiện kế hoạch hoá gia đình (biết lựa chọn biện pháp tránh thai phù hợp; biết chính sách tự chi trả chi phí phương tiện tránh thai, dịch vụ KHHGD; biết nơi cung cấp dịch vụ SKSS/KHHGD).

+ 85% nam, nữ trong độ tuổi sinh đẻ có kiến thức về các biện pháp phòng, tránh bệnh nhiễm khuẩn do quan hệ tình dục.

+ 80% VTN/TN 15-24 tuổi chưa kết hôn có kiến thức về sức khỏe tình dục (quan hệ tình dục an toàn, biết lựa chọn biện pháp tránh thai phù hợp, biết hậu quả của phá thai).

+ 80% TN/VTN 15-24 tuổi có kiến thức về các biện pháp phòng, tránh bệnh nhiễm khuẩn do quan hệ tình dục.

+ 50% người làm việc ở khu công nghiệp, khu chế xuất, người di cư có kiến thức về lợi ích của kế hoạch hoá gia đình, các biện pháp tránh thai, hậu quả của phá thai, các biện pháp phòng, tránh bệnh nhiễm khuẩn do quan hệ tình dục và địa chỉ cung cấp dịch vụ chăm sóc SKSS/KHHGD tại nơi cư trú.

2.4. Mục tiêu 4: Tăng cường lồng ghép các vấn đề dân số trong chính sách, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; phát huy lợi thế của cơ cấu dân số vàng, thích ứng với quá trình chuyển đổi nhân khẩu học để phát triển bền vững về kinh tế - xã hội. Đến năm 2020 đạt được các chỉ tiêu cơ bản sau:

+ 95% cấp ủy Đảng, chính quyền, ban, ngành, đoàn thể các cấp thường xuyên nhận được thông tin dân số phục vụ cho việc lồng ghép các vấn đề dân số trong chính sách, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

+ 70% ban, ngành cấp tỉnh, huyện lồng ghép ít nhất một chỉ tiêu dân số trong kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực.

+ 70% cấp ủy Đảng, chính quyền, ban, ngành, đoàn thể các cấp hiểu được tác động của các vấn đề dân số đến nhu cầu tiêu dùng hàng hóa, dịch vụ và đối với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

+ 70% cấp ủy Đảng, chính quyền, ban, ngành, đoàn thể các cấp hiểu được lợi thế và các biện pháp phát huy lợi thế của cơ cấu dân số vàng; hiểu được thách thức và các biện pháp thích ứng với quá trình chuyển đổi nhân khẩu học và thời kỳ già hoá dân số.

II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. Nâng cao nhận thức vai trò của các cấp uỷ Đảng, chính quyền, các ban, ngành, đoàn thể về công tác dân số và phát triển

Đề xuất các cấp ủy Đảng, chính quyền đưa các vấn đề dân số và phát triển; xã hội hóa công tác dân số và phát triển vào chủ trương, nghị quyết của từng cấp và triển khai các giải pháp thực hiện; chủ động giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong việc tổ chức thực hiện các vấn đề dân số và phát triển của từng đơn vị, địa phương, đảm bảo phù hợp với chính sách, pháp luật, chiến lược, chương trình, kế hoạch về DS - SKSS.

Tham mưu cho các cấp uỷ Đảng, chính quyền, ban, ngành, đoàn thể ban hành các giải pháp khuyến khích thực hiện chính sách và tổ chức thực hiện các hoạt động thiết thực đối để tuyên truyền, khuyến khích người dân cùng tham gia thực hiện các hành vi có lợi về Dân số, phát triển và cộng đồng.

Đưa nội dung các vấn đề Dân số và phát triển vào chương trình đào tạo, bồi dưỡng của hệ thống các trường chính trị - hành chính các cấp, các trường bồi dưỡng nghiệp vụ của ngành, đoàn thể.

2. Tăng cường truyền thông chuyển đổi hành vi

2.1. *Đẩy mạnh truyền thông đại chúng*

Phối hợp với các cơ quan truyền thông đại chúng (phát thanh, truyền hình, báo in, nhà xuất bản...) trong việc truyền thông chuyển đổi hành vi về Dân số và phát triển trên các chuyên trang, chuyên mục, phóng sự, tin bài...

Đa dạng các hình thức truyền thông hiện đại để cung cấp thông tin, tư vấn về dân số và phát triển qua internet, các trang web, mạng xã hội, điện thoại di động và các phương tiện truyền tin khác; chú trọng truyền thông Dân số và Phát triển trong các trang tin có nhiều người truy cập, các trang tin mà VTN/TN, nam giới và phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ ưa thích, quan tâm.

Thường xuyên truyền thông, tư vấn Dân số và phát triển trên Đài Phát thanh Truyền hình của huyện, Đài Truyền thanh của xã, phường, thị trấn.

Sản xuất các sản phẩm truyền thông trực tiếp và cung cấp cho nhóm đối tượng đích; chú trọng hình thức, nội dung, cách thể hiện phù hợp trong sản phẩm truyền thông dành cho nhóm dân số đặc thù, khó tiếp cận và các vùng khó khăn, về Dân số và phát triển.

Cơ quan DS-KHHGĐ định kỳ cung cấp thông tin cập nhật, nội dung truyền thông ưu tiên, tình hình thực hiện công tác dân số và phát triển, tổng hợp hoạt động truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng cho đội ngũ phóng viên, biên tập viên của các cơ quan truyền thông đại chúng.

2.2. *Thực hiện các hoạt động truyền thông trực tiếp của hệ thống DS-KHHGĐ các cấp*

Tổ chức các buổi tọa đàm, nói chuyện nhân kỷ niệm các ngày lễ lớn và các ngày kỷ niệm của ngành DS-KHHGĐ tại các cấp.

Tổ chức tốt các đợt chiến dịch truyền thông lồng ghép với cung cấp dịch vụ SKSS/KHHGĐ đến vùng khó khăn, vùng có mức sinh cao.

Cung cấp thông tin, hỗ trợ cộng đồng đưa nội dung truyền thông Dân số và phát triển lồng ghép vào các cuộc họp, sinh hoạt văn nghệ của nhân dân tại khu dân cư, điểm dân cư; đặc biệt là hỗ trợ việc đưa chính sách Dân số và phát triển vào hương ước, quy ước của cộng đồng.

Duy trì và đẩy mạnh hoạt động truyền thông, tư vấn trực tiếp của đội ngũ cộng tác viên dân số, nhân viên y tế thôn bản khi đến thăm hộ gia đình. Định kỳ bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, kỹ năng truyền thông cho cộng tác viên dân số,

nhân viên y tế thôn trong các cuộc họp giao ban hàng tháng để tạo điều kiện thuận lợi cho họ thực hiện truyền thông, tư vấn có hiệu quả tại hộ gia đình.

2.3. Khuyến khích các đơn vị tư vấn tham gia và mở rộng các hình thức tư vấn về Dân số và phát triển

Cung cấp thông tin cho các đơn vị tư vấn trong và ngoài hệ thống DS-KHHGĐ tham gia tư vấn về Dân số và phát triển, tạo điều kiện mở rộng phạm vi truyền thông và bảo đảm nội dung về quy định của pháp luật, chính sách, quy định chuyên môn, quy trình kỹ thuật của các vấn đề Dân số và phát triển.

Các trung tâm, điểm tư vấn thuộc hệ thống DS-KHHGĐ giữ vai trò bảo đảm tính pháp lý, tính chính xác của các nội dung tư vấn, truyền thông; triển khai mở rộng các hình thức tư vấn phù hợp với nhu cầu của các nhóm đối tượng.

Vận động, hỗ trợ các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập và ngoài công lập thực hiện tư vấn trước và sau khi làm dịch vụ kỹ thuật cho đối tượng, bảo đảm đối tượng hiểu biết, tự nguyện và thực hiện được những hướng dẫn, chỉ dẫn của thầy thuốc và các nội dung tư vấn.

2.4. Mở rộng các hình thức giáo dục, truyền thông thân thiện, phù hợp với vị thành niên, thanh niên

Nâng cao vai trò, vị trí, trách nhiệm của gia đình, nhà trường và cộng đồng trong việc giáo dục kiến thức, kỹ năng sống cho VTN/TN về chăm sóc SKSS, SKTD, hôn nhân và gia đình, giới tính, bình đẳng giới, chẩn đoán trước sinh, tầm soát dị tật bẩm sinh.

Lồng ghép nội dung giáo dục, truyền thông cho VTN/TN trên các phương tiện thông tin đại chúng, trong truyền thông trực tiếp của hệ thống DS-KHHGĐ, trong tư vấn của các trung tâm, điểm tư vấn.

Duy trì và từng bước mở rộng các tổ chức truyền thông, cán bộ truyền thông chuyên biệt dành cho VTN/TN để thực hiện các hình thức giáo dục, truyền thông thân thiện như giáo dục đồng đẳng, câu lạc bộ, hoạt động ngoài giờ lên lớp, thi kiến thức, thi tìm hiểu về các sản phẩm truyền thông; lồng ghép truyền thông Dân số và phát triển vào các hoạt động thường xuyên, hoạt động giải trí của VTN/TN.

Phối hợp với các đơn vị chức năng của ngành giáo dục, đoàn thanh niên, hội phụ nữ, cộng đồng dân cư để hình thành, mở rộng mô hình giáo dục, truyền thông chuyên biệt cho VTN/TN.

Định kỳ đầu tư đào tạo lại, đào tạo nâng cao về tâm lý, đặc điểm phát triển sinh lý, thể chất, kỹ năng làm việc với VTN/TN, kỹ năng tư vấn cho người cung cấp dịch vụ DS-SKSS để bảo đảm cung cấp các dịch vụ mang tính thân thiện, bình đẳng, riêng tư, bảo mật và phù hợp với tâm lý của VTN/TN.

3. Đẩy mạnh tuyên truyền vận động, tạo môi trường đồng thuận, ủng hộ và cam kết thực hiện của các cấp, các ngành, đoàn thể và cộng đồng

Vận động các ban, ngành, đoàn thể, tổ chức xã hội đầu tư thực hiện các biện pháp khuyến khích các thành viên, hội viên thực hiện chính sách Dân số và phát triển. Phối hợp với đơn vị chức năng của ban, ngành, đoàn thể có mạng lưới

đến tận cơ sở đưa nội dung truyền thông Dân số và phát triển vào các câu lạc bộ phụ nữ, nam nông dân, thanh niên, nhóm tiết kiệm tín dụng, thanh niên tình nguyện, thanh niên lập nghiệp và các hình thức khác.

Phối hợp với đơn vị chức năng của ban, ngành, đoàn thể, tổ chức xã hội và cộng đồng trong việc xây dựng mô hình truyền thông phù hợp với các nhóm dân số đặc thù là VTN/TN, người di cư, người tàn tật, người cao tuổi.

Cung cấp thông tin Dân số và phát triển cho các tổ chức xã hội, đơn vị, doanh nghiệp nhằm huy động nguồn lực, sự tham gia đông đảo của các lực lượng xã hội trong các hoạt động truyền thông, cung cấp dịch vụ và việc thực hiện các hành vi có lợi về Dân số và phát triển.

Cung cấp thông tin, vận động, huy động các chức sắc tôn giáo, người có uy tín trong cộng đồng tham gia truyền thông, ủng hộ các hành vi có lợi về Dân số và phát triển; đưa các tiêu chí về dân số và phát triển vào hương ước, quy ước của cộng đồng, vào tiêu chuẩn làng, khu phố văn hóa, gia đình văn hóa.

Tổ chức các sự kiện truyền thông, gây ấn tượng mạnh, thu hút đông đảo các lực lượng tham gia; tạo dư luận xã hội đồng thuận, ủng hộ việc thực hiện các hành vi có lợi và phê phán các hành vi vi phạm về Dân số và phát triển.

4. Nâng cao hiệu quả giáo dục dân số và phát triển

Nâng cao kỹ năng giảng dạy nội dung dân số, giới tính, SKSS/KHHGD, sức khỏe thể chất, chất lượng cuộc sống được tích hợp vào sách giáo khoa trong các môn học của các lớp học, cấp học trong hệ thống giáo dục phổ thông; tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng giảng dạy cho đội ngũ giáo viên giảng dạy các môn học đã tích hợp các nội dung Dân số và phát triển.

5. Nâng cao năng lực truyền thông

5.1. Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ truyền thông

- Bồi dưỡng cán bộ quản lý truyền thông trong hệ thống DS-KHHGD về kỹ năng truyền thông vận động, tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền, vận động các ban, ngành, đoàn thể, tổ chức xã hội, cộng đồng tham gia truyền thông và điều phối các hoạt động truyền thông về Dân số và phát triển.

- Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ truyền thông các ngành, các cấp thông qua tổ chức các lớp bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng truyền thông và quản lý các hoạt động truyền thông; chú trọng bồi dưỡng kiến thức về tâm lý, đặc điểm phát triển sinh lý, thể chất, kỹ năng làm việc với VTN/TN cho cán bộ truyền thông.

- Cập nhật thông tin về Dân số và phát triển, chính sách, pháp luật mới ban hành; hướng dẫn về nội dung truyền thông ưu tiên; thông điệp chuẩn của vấn đề, chủ đề dân số cho đội ngũ truyền thông viên của cơ quan truyền thông đại chúng.

- Cập nhật kiến thức kỹ thuật, kỹ năng sử dụng các phương tiện truyền thông hiện đại trên trang tin điện tử, mạng xã hội, qua Internet, điện thoại di động, thiết bị chuyển tải thông tin cho đội ngũ nhân viên thực hiện của cơ quan, tổ chức.

- Chi cục DS-KHHGD chịu trách nhiệm đào tạo, tập huấn cho đội ngũ cán bộ truyền thông dân số cấp huyện, cấp xã và ban, ngành, đoàn thể địa phương.
- Lòng ghép với tập huấn, bồi dưỡng các nội dung khác nội dung tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực truyền thông cho đội ngũ cán bộ truyền thông các cấp; bảo đảm mỗi cán bộ trực tiếp tham gia truyền thông của Trung tâm DS-KHHGD cấp huyện được tập huấn ít nhất 1 ngày/năm.

5.2. Cung cấp trang thiết bị, dụng cụ truyền thông phù hợp

Cung cấp trang bị, dụng cụ, phương tiện truyền thông cho cơ quan, đơn vị truyền thông, bao gồm cả trung tâm, điểm tư vấn thuộc hệ thống DS-KHHGD; ưu tiên các trang thiết bị, dụng cụ truyền thông phù hợp cho xã nghèo, xã ở vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn.

Các ban, ngành, đoàn thể căn cứ khả năng ngân sách và thực trạng của từng đơn vị để đầu tư trang thiết bị truyền thông cho các đơn vị trực thuộc. Ngân sách địa phương đầu tư trang thiết bị truyền thông cho xã nghèo, xã ở vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc và hỗ trợ Trung tâm DS-KHHGD cấp huyện.

III. KINH PHÍ

Nguồn kinh phí thực hiện được đảm bảo từ: Nguồn kinh phí Trung ương hỗ trợ, ngân sách hằng năm của địa phương và các nguồn hợp pháp khác.

Hàng năm, trên cơ sở các nhiệm vụ cụ thể, Sở Y tế xây dựng kế hoạch, lập dự toán gửi Sở Tài chính thẩm định, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định;

UBND các huyện, thị xã, thành phố bố trí kinh phí hỗ trợ cho các hoạt động của địa phương.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Y tế

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan và UBND các huyện, thị, thành phố triển khai thực hiện các nội dung của kế hoạch theo từng năm đảm bảo hiệu quả; hàng năm xây dựng kế hoạch và dự toán chi tiết để triển khai thực hiện kế hoạch trên địa bàn tỉnh theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

- Phối hợp với Đài phát thanh - Truyền hình tỉnh, Báo Thanh Hóa xây dựng kế hoạch tuyên truyền, phổ biến rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng về nội dung của Kế hoạch hành động truyền thông chuyển đổi hành vi về Dân số và Phát triển tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2018-2020

- Giao Chi cục DS-KHHGD tỉnh chủ trì thực hiện Kế hoạch; phối hợp với các phòng thuộc Sở Y tế và các đơn vị trong ngành hướng dẫn, triển khai đồng bộ các hoạt động của Kế hoạch từ tỉnh tới cơ sở; đôn đốc, kiểm tra đánh giá kết quả thực hiện các hoạt động của kế hoạch; định kỳ hàng năm tổng hợp báo cáo Bộ Y tế, Tổng cục DS-KHHGD, các bộ, ngành liên quan và UBND tỉnh kết quả thực hiện theo quy định. Tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch.

2. Sở Tài chính

Tham mưu cho UBND tỉnh đảm bảo kinh phí hàng năm để thực hiện kế hoạch Kế hoạch hành động truyền thông chuyển đổi hành vi về Dân số và phát

triển tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2018-2020 theo quy định của Luật ngân sách nhà nước; thanh tra, kiểm tra việc quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện kế hoạch.

3. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy

Phối hợp, chỉ đạo, theo dõi, đôn đốc trong tổ chức thực hiện các nội dung liên quan tới lĩnh vực truyền thông về Dân số và phát triển.

4. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh

Phối hợp, giám sát theo dõi và phản biện việc tổ chức thực hiện các nội dung tuyên truyền về chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, già hóa dân số và cơ cấu dân số vàng tại các lĩnh vực, đơn vị.

5. Sở Thông tin và Truyền thông

Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan thông tấn báo chí trên địa bàn tỉnh đẩy mạnh các hoạt động thông tin, tuyên truyền việc thực hiện chính sách và pháp luật về Dân số và phát triển.

6. Sở Giáo dục và Đào tạo

Đẩy mạnh hoạt động sinh hoạt ngoại khóa, cung cấp kiến thức về chăm sóc SKSS/KHHGD cho các em học sinh tại các trường THCS, PTTH.

7. Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh

Tham gia thực hiện các nội dung liên quan tới Dân số và phát triển, SKSS/KHHGD, bình đẳng giới, can thiệp giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh.

8. Đoàn TNCS HCM tỉnh

Tham gia thực hiện các nội dung liên quan tới Dân số và phát triển về chăm sóc SKSS cho VTN/TN.

9. Liên đoàn Lao động tỉnh

Tuyên truyền các nội dung về Dân số và phát triển, các văn bản về chính sách dân số.

V. THỜI GIAN, ĐỊA BÀN, PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG THỤ HƯỞNG

1. Thời gian thực hiện: 2018-2020.

2. Địa bàn thực hiện: trên phạm vi toàn tỉnh.

3. Phạm vi tác động: Các vấn đề dân số bao gồm: quy mô dân số, cơ cấu dân số, chất lượng dân số; phân bố và quản lý dân cư; lồng ghép dân số trong phát triển.

4. Đối tượng thụ hưởng: Cá nhân, gia đình hay mọi người dân trong mọi lứa tuổi được nâng cao sức khỏe, phát triển thể chất và có cơ hội phát triển sự nghiệp, học tập và nâng cao chất lượng cuộc sống thông qua kết quả thực hiện các chính sách, pháp luật, chương trình DS-KHHGD.

Các sở, ngành, đoàn thể, tổ chức, đơn vị và cộng đồng vừa tham gia truyền thông, giáo dục về Dân số và Phát triển vừa được thụ hưởng từ những lợi ích của nâng cao sức khỏe, phát triển thể chất và đóng góp nguồn lực có hiệu quả của các

thành viên để hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, cộng đồng và của từng cơ quan, ngành, đoàn thể, tổ chức, đơn vị.

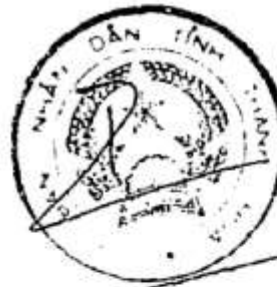
UBND tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị liên quan triển khai tổ chức thực hiện “Đề án Tăng cường tư vấn và cung cấp dịch vụ Dân số - Kế hoạch hóa gia đình gia đình cho vị thành niên/thanh niên giai đoạn 2018-2020”, hàng năm, báo cáo kết quả thực hiện về Sở Y tế - cơ quan thường trực Ban chỉ đạo công tác Dân số - Kế hoạch hóa gia đình tỉnh, trước ngày 10/12.

Giao Sở Y tế theo dõi, tổng hợp việc thực hiện của các ngành, các địa phương, định kỳ báo cáo UBND tỉnh và Bộ Y tế./.

Nơi nhận:

- Bộ Y tế (Báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (Báo cáo);
- Sở Y tế (để th/hiện);
- Các sở, ban, ngành (để th/hiện);
- UBND các huyện, thị xã, TP (để th/hiện);
- Chi cục DS-KHHGD tỉnh (để th/hiện);
- Lưu: VT, VXstn.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Handwritten signature of Phạm Đăng Quyền

Phạm Đăng Quyền